

NHÌN LẠI CHẶNG ĐƯỜNG 10 NĂM PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH DU LỊCH VIỆT NAM THÀNH TỰU, HẠN CHẾ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN

ThS. NGUYỄN QUỐC NGHỊ*

Bài viết này tập trung đánh giá thực trạng phát triển ngành du lịch Việt Nam (DLVN) trong giai đoạn 2001-2010, đồng thời nhận định những hạn chế mà ngành DLVN đang phải đối mặt. Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp phát triển bền vững ngành DLVN trong thời gian tới. Để các giải pháp được thực thi hiệu quả thì sự chung tay của Nhà nước, doanh nghiệp và người dân sẽ tạo nên động lực mạnh mẽ nhằm đưa ngành DLVN vươn tầm quốc tế.

1. Đặt vấn đề

Trong 10 năm qua, sự phát triển ngành DL-nghành công nghiệp không khói của VN không những đem lại nguồn thu ngoại tệ lớn cho ngân sách nhà nước, góp phần tích cực giải quyết việc làm cho hàng triệu lao động mà còn là động lực thúc đẩy sự phát triển của nhiều ngành kinh tế có liên quan như: giao thông, xây dựng, hàng không, ngân hàng... Ngoài ra, DL còn giúp cho du khách hiểu biết thêm về đất nước, con người, lịch sử truyền thống dân tộc cũng như tiềm năng kinh tế của một quốc gia. Từ đó, tạo nền tảng cho việc xây dựng kế hoạch phát triển các mối quan hệ hợp tác kinh tế giữa các nước. Nhìn lại chặng đường 10 năm phát triển của ngành DLVN, những thành tựu đạt được của ngành là rất quan trọng, có thể kể đến như: lượt khách quốc tế đến VN đã vượt con số 5 triệu, doanh thu từ ngành DL chiếm khoảng 6% trong tổng GDP cả nước, nhiều địa danh của VN được xếp vào 10 nơi đến hấp dẫn nhất trên thế giới... Tuy nhiên, bên cạnh những thành công, ngành DLVN đang đối mặt với những tồn tại, thách thức không nhỏ; điều này đã làm cản trở sự phát triển của ngành. Vì thế, bài viết này đi sâu phân tích những thành tựu, thách thức của ngành DL, từ đó đề xuất một số giải pháp phát triển bền vững ngành DLVN.

2. Thực trạng ngành DLVN giai đoạn 2001-2010

Trong tổng số 181 quốc gia, vùng lãnh thổ được Hội đồng lữ hành và DL thế giới (WTTC) nghiên cứu, ước tính thì DLVN đứng thứ 47 trên thế giới về phát triển tổng thể, đứng thứ 54 vì những đóng góp cho nền kinh tế quốc gia và đứng thứ 12 trong sự tăng trưởng dài hạn. Hiện nay, VN đã vươn lên vị trí 5 nước có kinh tế DL phát triển nhất trong khu vực ASEAN. Hoạt động DL nước nhà bắt đầu có bước chuyển mới.

Về số lượng du khách: Ngành DL nước ta giai đoạn 2001-2010 được đánh dấu bằng sự phát triển nhanh chóng về số lượng khách DL quốc tế và trong nước. Tổng lượng khách DL của cả nước năm 2001 là 14.030.050 lượt, đến năm 2010 đã tăng lên 33.049.855 lượt. Như vậy, chỉ sau 10 năm, lượng khách DL cả nước đã tăng 2,35 lần. Trong đó, lượng khách quốc tế tăng 2,17 lần và lượng khách trong nước tăng 2,39 lần sau 10 năm phát triển. Khách quốc tế đến DL tại VN phần lớn thuộc các quốc gia: Trung Quốc, Hàn Quốc, Mỹ, Nhật, Đài Loan... Trong năm 2010, lượng khách DL quốc tế đến VN tăng 33,8% so với năm 2009, trong khi lượng khách trong nước chỉ tăng 12%. Điều này chứng tỏ, ngành DLVN đã có thương hiệu mạnh đủ lực hút đối với du khách quốc tế mặc dù trong giai đoạn hậu khủng hoảng kinh tế.

NGHIÊN CỨU & TRAO ĐỔI

Bảng 1. Số lượng khách DL giai đoạn 2001-2010

ĐVT: Người

Năm	Khách trong nước	Khách quốc tế	Tổng cộng
2001	11.700.000	2.330.050	14.030.050
2002	13.000.000	2.627.988	15.627.988
2003	13.500.000	2.428.735	15.928.735
2004	14.500.000	2.927.873	17.427.873
2005	16.100.000	3.477.500	19.577.500
2006	17.500.000	3.583.486	21.083.486
2007	19.200.000	4.229.349	23.429.349
2008	20.500.000	4.253.740	24.753.740
2009	25.000.000	3.772.359	28.772.359
2010	28.000.000	5.049.855	33.049.855

Nguồn: Tổng cục DL; Tổng cục Thống kê

Về doanh thu ngành DL: Trong những năm qua, DL luôn nằm trong danh sách 5 ngành tạo nguồn thu ngoại tệ cao nhất cho đất nước. Hoạt động DL đã tạo thêm nguồn thu để tôn tạo, trùng tu các di tích, di sản, khôi phục lễ hội, làng nghề truyền thống và thúc đẩy các ngành kinh tế xã hội khác phát triển. Nguồn thu từ ngành DL không ngừng tăng lên qua các năm và tốc độ tăng cao hơn cả tốc độ tăng về số lượng du khách.

Bảng 2. Doanh thu từ ngành DL giai đoạn 2001-2010

ĐVT: Nghìn tỷ đồng

Năm	Doanh thu từ DL
2001	20,5
2002	23,0
2003	22,0
2004	26,0
2005	30,0
2006	51,0
2007	56,0
2008	64,0
2009	70,0
2010	96,0

Nguồn: Tổng cục DL; Tổng cục Thống kê

Năm 2001, doanh thu từ DL chỉ đạt 20,5 nghìn tỷ đồng. Đến năm 2010, con số đã tăng lên 96 nghìn tỷ, gấp hơn 4,7 lần so với năm 2001. Trong khi số lượng du khách chỉ tăng hơn 2,34 lần sau 10 năm. Năm 2009, đối mặt với nhiều thách thức

to lớn làm lượng du khách quốc tế giảm trên 11% nhưng doanh thu từ DL không những không giảm mà còn tăng trên 9% so với năm 2008. Hiện ngành DL đóng góp khoảng 5% GDP của quốc gia nhưng con số thực tế mà hoạt động DL đóng góp cho xã hội lớn hơn nhiều. Ngoài việc tạo ra nguồn thu ngoại tệ cao cho nước nhà, ngành DL còn thu hút mạnh mẽ nguồn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài. Năm 2001, đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành DL chỉ có 10,3 triệu USD thì đến năm 2010 ngành DLVN đã thu hút 5.500 triệu USD. Trong 10 năm qua, việc tăng cường mở rộng hợp tác, thu hút vốn đầu tư, tài trợ của quốc tế đã thật sự đạt được những thành quả đáng khích lệ.

Bảng 3. Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành DL

ĐVT: Triệu USD

Năm	Số dự án	Vốn đầu tư
2001	4	10,30
2002	25	174,20
2003	13	239,00
2004	15	111,17
2007	48	2.012,00
2008	26	9.126,00
2009	-	8.800,00
2010	-	5.500,00

Nguồn: Trung tâm thông tin DL; Tổng cục DL

Về nguồn nhân lực DL: Nguồn nhân lực DL cả nước trong 10 năm qua không ngừng tăng lên về số lượng. Từ năm 2000 đến năm 2009, nhân lực trong ngành DL đã tăng lên gấp đôi, vượt mốc một triệu lao động. Trong đó, lao động trực tiếp chiếm 34,58% và lao động gián tiếp chiếm 65,42%. So với cả nước, nguồn nhân lực DL chiếm khoảng 2,2%. Tính đến cuối năm 2010, ngành DL đã giải quyết được 1,4 triệu lao động.

Bảng 4. Lao động trong ngành DL

ĐVT: Nghìn người

Năm	Lao động trực tiếp	Lao động gián tiếp	Tổng cộng
2000	170,9	375,9	546,8
2005	286,4	630,1	916,5
2009	370,0	700,0	1.070,0
2010	-	-	1.400,0

Nguồn: Tổng cục DL

Công tác đào tạo nguồn nhân lực của ngành DL đã đạt được một số thành tựu đáng kể. Quy mô tuyển sinh ngày càng tăng, từng bước đáp ứng tốt hơn yêu cầu thực tế. Mạng lưới cơ sở đào tạo DL bậc đại học, cao đẳng trung học chuyên nghiệp, dạy nghề và nhiều trung tâm dạy nghề được hình thành và phát triển nhanh; đồng thời đang được định hướng, quy hoạch và điều chỉnh hợp lý. Hiện nay, cả nước đã có 21 trường đào tạo DL bậc đại học, 10 trường bậc cao đẳng và 57 trường trung cấp chuyên nghiệp.

Nguồn lực bên ngoài đã thu hút được trên 30 triệu USD cho đào tạo phát triển nguồn nhân lực DL. Cơ sở vật chất kỹ thuật của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhân lực DL được nâng cấp, xây dựng mới, trang bị ngày càng đồng bộ và hiện đại. Đội ngũ giáo viên, giảng viên và đào tạo viên tăng nhanh về số lượng, nâng dần về kiến thức nghiệp vụ, ngoại ngữ và có trách nhiệm với sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng nhân lực DL. Chương trình, giáo trình đào tạo, bồi dưỡng từng bước được chuẩn hóa. Đây là những tín hiệu tốt trong công tác đào tạo nguồn nhân lực của ngành DL trong bối cảnh mới [3].

Bảng 5. Số lượng cơ sở lưu trú giai đoạn 2000-2010

Năm	Số lượng cơ sở lưu trú	Số buồng
2000	3.267	72.200
2002	4.390	92.500
2004	5.847	125.400
2006	6.720	160.500
2007	8.550	184.800
2008	10.400	205.000
2009	10.900	215.000
2010	12.000	235.000

Nguồn: Trung tâm thông tin DL

Về các cơ sở lưu trú và danh nghiệp lữ hành: Đến năm 2009, cả nước có 789 doanh nghiệp lữ hành quốc tế, trong đó có 68 doanh nghiệp nhà nước, 250 công ty cổ phần, 12 công ty liên doanh, 455 công ty TNHH, 4 doanh nghiệp tư nhân và hơn 10.000 doanh nghiệp lữ hành trong nước. Hệ thống cơ sở lưu trú DL cũng không ngừng phát triển cả về số lượng và chất lượng. Tính đến cuối năm 2010, cả nước có khoảng 12.000 cơ sở lưu trú DL với trên 235.000 buồng, tăng trên 3 lần so với năm 2000. Trong đó, số lượng khách sạn được xếp hạng từ 3-5 sao chiếm tỷ lệ khoảng 2%, số buồng

chiếm khoảng 17%, cụ thể: 44 khách sạn 5 sao với 10.756 buồng; 110 khách sạn 4 sao với 13.493 buồng; 235 khách sạn 3 sao với 16.353 buồng. Hệ thống khách sạn VN hiện nay chủ yếu là loại nhỏ với quy mô khoảng 19-20 buồng/khách sạn. Ngoài ra còn có khoảng hàng nghìn hộ tư nhân kinh doanh DL hoạt động ở hầu hết các địa phương trên cả nước.

3. Những hạn chế của ngành DLVN

Tuy có sự phát triển vượt bậc trong thời gian qua, nhưng ngành DLVN vẫn chưa tạo ra bước đột phá để thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và còn nhiều mặt yếu kém, phát triển chưa tương xứng với tiềm năng của đất nước.

Về sản phẩm DL: Sản phẩm DLVN chưa đa dạng, chưa khai thác hết tiềm năng và thế mạnh của từng vùng. Chất lượng sản phẩm DL chưa cao, loại hình kém độc đáo. Chưa có những sản phẩm DL đặc sắc, mang bản sắc riêng để thu hút du khách từ những thị trường trọng điểm. Chưa tập trung cho sản phẩm có giá trị gia tăng cao, giá cả so với một số khâu dịch vụ còn cao dẫn tới kém sức cạnh tranh quốc tế. Các sự kiện văn hóa, DL vẫn chưa được đổi mới, sáng tạo. Chưa khai thác được cảnh quan môi trường và các giá trị văn hoá độc đáo của dân tộc, bỏ lỡ nhiều cơ hội thuận lợi khai thác nguồn du khách từ nước ngoài [5]. Có thể nhận thấy điều này qua minh chứng về thực trạng DL Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). ĐBSCL có nhiều tiềm năng để đa dạng hoá các sản phẩm DL như: DL tắm biển, nghỉ dưỡng ở Ba Động (Trà Vinh), Hà Tiên - Phú Quốc (Kiên Giang); DL khám phá núi, hang động ở Hà Tiên và An Giang; DL Đất Mũi Cà Mau - điểm đến cuối cùng đất nước; DL học hỏi kinh nghiệm các nghề nuôi trồng và đánh bắt thủy sản của người Nam Bộ... Với rất nhiều lợi thế cạnh tranh nhưng trên thực tế hiện nay, hầu hết các địa phương vùng ĐBSCL vẫn chỉ dựa vào những tiềm năng có sẵn là sông nước để phát triển DL. Chính vì điều đó, DL ở vùng đất này vẫn chỉ là ngồi thuyền, đến miệt vườn, nghe đồn ca tài tử và ăn, nghỉ ở những cơ sở dịch vụ đem lại cảm giác như đã tới rồi, đến một địa phương thì như đã đến cả vùng. Đặc biệt, các tỉnh ĐBSCL đều làm DL theo kiểu “mạnh ai nấy làm”, các chương trình tour đều thiếu tính sáng tạo, nghèo nàn. Tình trạng bắt chước, “đạo” tour của nhau góp phần làm trầm trọng thêm tính trùng lặp trong sản phẩm DL vốn đã bị điều kiện tự nhiên của vùng đất sông nước này chi phối.

Một ví dụ cụ thể được đưa ra là khi DL Cồn Phụng (Bến Tre) đưa chương trình “Về quê tát mương bắt cá”, “Một ngày làm nông dân” đã rất thành công trong việc tạo ra mới lạ thì ngay lập tức hầu như các tỉnh lân cận đều “copy” đưa chương trình này vào tour, tuyến tham quan của mình.

Về công tác quy hoạch và cơ sở vật chất: Công tác quy hoạch các khu, tuyến, điểm DL chưa được triển khai đồng bộ, thực hiện một cách dàn trải, manh mún, không tạo nên hiệu quả tổng thể. Hiện tượng đầu tư tràn lan không tập trung trọng điểm chưa chấm dứt hoàn toàn, chỉ chạy theo số lượng mà không chú ý đến tính chuyên nghiệp. Việc đầu tư cho DL chưa được chú trọng. Về cơ cấu đầu tư chỉ mới chú trọng xây dựng hệ thống nhà hàng, khách sạn mà chưa quan tâm đúng mức đến kết cấu hạ tầng DL. Cho đến nay, nước ta vẫn đang thiếu những khu vui chơi giải trí, những điểm DL quy mô, tầm cỡ gắn với danh lam thắng cảnh như nhiều nước trên thế giới và khu vực. Cơ sở hạ tầng, giao thông quá kém chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của ngành kinh tế, trong đó có DL, nên việc vận chuyển du khách còn chiếm tỷ lệ thời gian lớn, ảnh hưởng đến thời gian nghỉ ngơi, tham quan, an toàn giao thông không đảm bảo... hiện đang là những vấn đề bức xúc, cản trở sự phát triển của ngành DL. Một ví dụ cụ thể để minh chứng cho vấn đề này là trong phạm vi chương trình đầu tư cơ sở hạ tầng DL, Tổng cục DL đã tham mưu để Chính phủ cấp hỗ trợ các tỉnh thuộc ĐBSCL 715 tỷ đồng trong giai đoạn 2001-2010; nguồn vốn “môi” có tính định hướng này của ngân sách trung ương đã thu hút mạnh các nguồn lực khác: 10 triệu USD do ADB tài trợ, 21,88 triệu USD FDI vào khách sạn và resort, hàng nghìn tỷ đồng vốn đầu tư trong nước, rồi hàng loạt loại hình lưu trú mọc lên. Đáng tiếc, đa phần trong số các dự án đó, quy mô đã nhỏ, kiến trúc lại chẳng hòa nhập được với cảnh quan sông nước và dịch vụ còn hạn chế, chưa đáp ứng tiêu chuẩn.

Về công tác xúc tiến, quảng bá: Đầu tư cho xúc tiến, quảng bá DL chưa được nhận thức đúng đắn trong các cấp, các ngành, thiếu tính chuyên nghiệp và tầm nhìn dài hạn. Bất cập của xúc tiến DL nước ta thể hiện trên mọi phương diện như nguyên Phó thủ tướng Vũ Khoan đã đánh giá rất cô đọng là “ba thiếu”: thiếu tri thức, thiếu tính chuyên nghiệp, và thiếu văn hoá ứng xử của người làm DL. Bất cập đó thể hiện trước mắt ở tổ chức bộ máy chưa tương xứng với nhiệm vụ, chưa có

văn phòng đại diện ở nước ngoài. Kinh phí đầu tư cho xúc tiến, quảng bá DL còn hạn chế. Công tác nghiên cứu thị trường chưa được quan tâm đầu tư đúng mức. Không có các đợt khảo sát, nghiên cứu, đánh giá thị trường DL một cách quy mô. Sự phối hợp giữa Nhà nước và doanh nghiệp, giữa cơ quan nhà nước và hiệp hội nghề nghiệp, giữa trung ương và địa phương, giữa ngành DL và các ngành hữu quan chưa chặt chẽ. Cơ chế chính sách cho hoạt động xúc tiến DL chưa phù hợp. Kinh phí dành cho xúc tiến quảng bá quá nhỏ bé lại sử dụng phân tán, thiếu cộng hưởng giữa nguồn ngân sách và nguồn lực của doanh nghiệp, cộng đồng. Không có kế hoạch quảng bá cho các lễ hội, sự kiện văn hóa... Hình ảnh DLVN vẫn còn khá mờ nhạt trên những tạp chí và những kênh truyền thông lớn của thế giới.

Về nhân lực DL: Đội ngũ cán bộ có sự trưởng thành về số lượng, nhưng cơ cấu chưa hợp lý và chất lượng chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Có thể nói, nguồn nhân lực ngành DL nước ta hiện nay vừa thiếu lại vừa yếu. Số lao động trong ngành DL có trình độ đại học và sau đại học chỉ chiếm khoảng 9,7%, đạt trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng chiếm 51% và có đến 39,3% trình độ dưới sơ cấp. Trong số đó chỉ có 43% được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ về các ngành nghề DL, được đào tạo về các chuyên ngành khác ngoài DL hoặc chưa qua đào tạo chuyên môn DL chiếm đến 57%. Số lao động chỉ biết một ngoại ngữ chiếm đến 48%. Thiếu kiến thức chuyên môn, trình độ nghiệp vụ kém, hạn chế về ngoại ngữ là những điểm chung của nhân lực DL nước ta hiện nay. Thậm chí nguồn nhân lực DL ở một số khu vực còn đáng báo động. Theo thống kê của Tổng cục DL, ĐBSCL có 17.397 lao động trực tiếp trong ngành DL, trong đó, 46,13% làm việc tại các cơ sở lưu trú (với tỷ lệ 12,6% cao đẳng, đại học trở lên, 14,1% trung cấp, 16,3% sơ cấp), phần lớn chưa qua đào tạo hoặc chỉ qua tập huấn ngắn hạn.

Về tài nguyên DL và môi trường: Tài nguyên DL đang có sự suy giảm nghiêm trọng do có sự khai thác, sử dụng thiếu hợp lý. Nhiều hoạt động DL sản sinh ra rác thải làm ô nhiễm môi trường. Trong đó, các cơ sở lưu trú DL chiếm tỷ lệ tác động lên môi trường lớn nhất. Các cơ sở lưu trú, dịch vụ DL xây dựng trên các đảo không theo quy hoạch, đã làm tăng nguy cơ xói mòn đường bờ, làm suy thoái hệ sinh thái biển đảo. Nước thải chưa qua xử lý từ các cơ sở lưu trú, dịch vụ DL xả

trực tiếp vào môi trường làm ô nhiễm nước biển ven bờ. Quá trình khai thác biển trong thời gian qua làm biển đang bị đục dần. Các phương tiện tàu, thuyền vận tải khách DL, phương tiện vui chơi, thể thao nước, khai thác san hô phục vụ nhu cầu làm hàng lưu niệm... cũng góp phần làm suy thoái hệ sinh thái nhiệt đới. Hiện nay, các bãi biển nổi tiếng của VN đang phải đối mặt với nguy cơ ô nhiễm môi trường nước biển nghiêm trọng, điển hình là môi trường tại các bãi biển DL như Long Hải (Bà Rịa-Vũng Tàu), Nha Trang (Khánh Hòa), Phan Thiết (Bình Thuận), Đồ Sơn (Hải Phòng)... đang bị ô nhiễm nặng đến mức báo động. Tại vùng biển Nam Trung Bộ, đặc biệt là tại Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, ven bờ biển xuất hiện các lớp nhầy màu xám đen dày cả gang tay, trộn với xác chết của sinh vật gây ô nhiễm nghiêm trọng. Theo đánh giá của Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản, các chất thải chưa qua xử lý được thải ra lưu vực sông và biển ngày càng nhiều, gây ô nhiễm môi trường biển ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của ngành DL, nhất là mảng DL biển đang chiếm tới 80% lượt khách đến VN hiện nay. Một nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới năm 2008 dự báo mỗi năm VN đang mất đi ít nhất 69 triệu USD thu nhập từ ngành DL do những cơ sở có hệ thống xử lý vệ sinh kém. Chất lượng môi trường kém đã góp phần làm giảm đi sức cạnh tranh quốc tế của ngành DL VN.

Về công tác quản lý và cơ chế, chính sách: Một số cơ chế chính sách về DL còn lạc hậu (chưa có văn bản hướng dẫn dưới luật về xúc tiến DL), các văn bản quy phạm pháp luật, thủ tục chậm được nghiên cứu (nhiều khái niệm trong các văn bản quản lý về DL ở VN vẫn chưa thống nhất với các khái niệm chung và phổ biến của Tổ chức DL Thế giới – UNWTO, còn nhiều khái niệm rất mơ hồ như khu đô thị sinh thái, đô thị DL sinh thái, khu DL 5 sao...), chậm được triển khai hoặc triển khai thiếu đồng bộ ở các ngành và địa phương. Chưa có chính sách ưu tiên huy động nguồn lực, nhất là nội lực để phát triển DL. Công tác kiểm tra, tổng kết rút kinh nghiệm trong việc xây dựng quy hoạch, bố trí vốn và cơ cấu đầu tư... chưa được thực hiện thường xuyên. Các tệ nạn xin ăn, trộm cắp, bán hàng rong ở các nơi DL, nhiều hiện tượng không phù hợp với yêu cầu văn minh DL vẫn tồn tại do sự phối hợp hành động thiếu đồng bộ giữa DL và các ngành nội vụ, văn hoá thông tin và chính quyền các cấp.

4. Một số giải pháp phát triển bền vững ngành DL VN

Từ kết quả phân tích thực trạng và nhìn nhận những hạn chế của ngành DL, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển bền vững ngành DL VN như sau:

Thứ nhất, thực hiện quy hoạch DL tổng thể, chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng DL. Công tác quy hoạch các khu, tuyến, điểm DL cần được triển khai đồng bộ. Những vùng được quy hoạch phát triển DL phải có không gian và quy mô phù hợp, có đặc điểm thuận nhất về tài nguyên, địa lý và hiện trạng phát triển DL. Quy hoạch DL phải gắn liền với việc giữ gìn phát huy truyền thống văn hoá, đồng thời khai thác các di sản văn hoá nghệ thuật có giá trị, giàu bản sắc dân tộc, các di tích lịch sử, công trình văn hoá nổi tiếng. Tăng cường đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng tại các địa bàn trọng điểm DL, các khu DL quốc gia, các điểm DL có tiềm năng phát triển DL ở miền núi, vùng sâu, vùng xa... trên cơ sở khai thác các tiềm năng và thế mạnh của từng vùng, từng lĩnh vực, từng địa phương; kết hợp có hiệu quả việc sử dụng các nguồn lực của Nhà nước và các nguồn lực từ các thành phần kinh tế vào đầu tư phát triển DL theo chủ trương xã hội hoá phát triển DL.

Thứ hai, chú ý đầu tư phát triển sản phẩm DL chất lượng và độc đáo. Chất lượng ở tính đa dạng lẫn thái độ phục vụ, sự tiện nghi và khả năng sẵn sàng phục vụ. Tập trung xây dựng hệ thống sản phẩm, loại hình DL đặc trưng mang bản sắc dân tộc, đặc biệt là các truyền thống văn hoá, lịch sử, nghệ thuật, những phong tục tập quán... phát huy giá trị tài nguyên DL độc đáo, đặc sắc, có thế mạnh nổi trội. Đối với từng vùng DL phải có sản phẩm DL đặc thù. Chú trọng phát triển và khai thác thị trường DL trong nước, phát huy tốt nhất lợi thế phát triển DL từng địa phương, đáp ứng yêu cầu giao lưu, hội nhập và phù hợp với quy định của Nhà nước. Cần xác định rõ những nét đặc trưng nổi bật để có sự đầu tư đúng đắn và xây dựng những sản phẩm DL mang bản sắc VN nhưng chất lượng ngang tầm quốc tế.

Thứ ba, xây dựng đội ngũ nhân lực DL đáp ứng yêu cầu về chất lượng, hợp lý về cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo để đảm bảo tính chuyên nghiệp. Tập trung đào tạo nguồn nhân lực bậc cao, đội ngũ quản lý, đào tạo phù hợp với yêu cầu công việc; thực hiện phương châm Nhà nước, doanh nghiệp cùng tham gia đào tạo phát triển nguồn

nhân lực DL. Phát triển và tăng cường năng lực cho các cơ sở đào tạo DL. Nâng cấp đầu tư trang thiết bị cho các cơ sở đào tạo hiện có, đảm bảo gắn giữa lý thuyết với thực hành nghề nghiệp, phát triển đội ngũ giảng viên thông qua đào tạo mới, đào tạo lại và bồi dưỡng dưới mọi hình thức, trong và ngoài nước, thu hút giảng viên có kinh nghiệm thực tế. Có chính sách đãi ngộ hợp lý để thu hút nhân tài, chuyên gia, nghệ nhân tham gia vào việc phát triển DL của đất nước. Tăng cường hợp tác quốc tế về đào tạo nguồn nhân lực DL.

Thứ tư, đẩy mạnh công tác xúc tiến quảng bá DL thông qua các chiến dịch quảng bá trong và ngoài nước. Quảng bá tiềm năng và thế mạnh của các vùng DL trọng điểm. Phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, ban ngành trong xây dựng các chương trình xúc tiến, tuyên truyền, quảng bá DL. Thực hiện các cuộc khảo sát, nghiên cứu tâm lý, thị hiếu, tập quán, thói quen tiêu dùng của các đối tượng du khách làm cơ sở xây dựng sản phẩm và hình thức tuyên truyền quảng bá phù hợp với mỗi loại thị trường. Tăng cường tuyên truyền quảng bá trên các phương tiện truyền thông đại chúng trong và ngoài nước. Sản xuất và phát hành rộng rãi các phim ảnh tư liệu về lịch sử văn hóa, các công trình kiến trúc, di tích, các danh lam, thắng cảnh, các làng nghề, lễ hội... để giới thiệu về đất nước, con người và DLVN. Tăng cường hợp tác quốc tế, phối hợp các lực lượng làm thông tin đối ngoại, tranh thủ nguồn lực, hỗ trợ quốc tế để công tác xúc tiến, quảng bá DL đạt hiệu quả hơn.

Thứ năm, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trong việc sử dụng hợp lý và hiệu quả các nguồn tài nguyên, môi trường DL. Đẩy mạnh công tác quản lý môi trường ở các trọng điểm DL, đặc biệt ở những khu DL quốc gia, các điểm DL có sức hấp dẫn cao, các khu DL sinh thái; khuyến khích và tạo điều kiện để huy động sự tham gia và đóng góp của các tổ chức và cá nhân vào việc bảo vệ tài nguyên, môi trường DL, đảm bảo sự phát triển bền vững của DLVN. Lồng ghép đào tạo và giáo dục về tài nguyên và môi trường DL trong chương trình giảng dạy của hệ thống đào tạo các cấp về DL; nâng cao nhận thức về việc bảo vệ tài nguyên, môi trường DL cho khách DL và cộng đồng dân cư thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.

Thứ sáu, hoàn thiện cơ chế chính sách, hệ thống pháp luật chuyên ngành DL. Tổ chức tốt việc thực hiện pháp lệnh DL, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ cho công tác quản lý DL. Đẩy mạnh cải

cách hành chính, phân cấp và đơn giản hoá các thủ tục liên quan đến khách DL và kinh doanh DL. Có cơ chế và văn bản phối hợp liên ngành, địa phương ưu tiên giải quyết kịp thời các vấn đề liên quan đến DL. Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý ở các cấp, nâng cao nhận thức, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến quốc gia; hình thành những tập đoàn, tổng công ty du lịch có tiềm lực mạnh, thương hiệu nổi bật. Có chính sách ưu tiên đầu tư phát triển nguồn nhân lực DL, xúc tiến quảng bá gắn với thông tin đối nội và đối ngoại, đầu tư hỗ trợ hợp lý xây dựng kết cấu hạ tầng tại các khu DL trọng điểm. Tăng cường hợp tác giữa khu vực công và khu vực tư nhân.

5. Kết luận

Nhìn lại 10 năm phát triển của ngành DLVN, chúng ta rất tự hào về những thành quả đã đạt được. Với những tiềm năng DL phong phú, đặc biệt là sự đa dạng của nguồn tài nguyên thiên nhiên và nhân văn của VN thì sự phát triển mạnh mẽ ngành DL nước ta trong thời gian tới là rất dễ nhận thấy. Vấn đề quan trọng trước mắt là cần tháo gỡ những hạn chế mà ngành DLVN đang phải đối mặt để tạo đà cho sự vươn lên tầm khu vực và quốc tế của ngành DLVN. Sự chung tay góp sức của Nhà nước, doanh nghiệp, người dân là điều kiện tốt nhất cho sự phát triển bền vững của ngành DLVN■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Quốc Nghi (2010), “Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực DLVN”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Phát triển kinh tế xã hội trong cương lĩnh đổi mới*.
2. Nguyễn Quốc Nghi & Nguyễn Tri Nam Khang (2009), “Môi trường DL chợ nổi Cái Răng”, *Tạp chí DLVN*, số 11, trang 45-46.
3. Phạm Thành Hiếu (2010), *Đào tạo nguồn nhân lực DL cần có sự đột phá*, www.baodulich.net.vn.
4. Nguyễn Văn Tuấn (2010), *DLVN nửa thế kỷ tự hào*, www.baodulich.net.vn.
5. Nguyễn Khắc Công (2009), *Ngành DLVN: Mục tiêu thu nhập và tốc độ tăng trưởng 2001-2010*, www.vietnam-tourisminfo.com.